

**PHƯƠNG ÁN ĐÈN BÙ, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY 220K SƠN LA - ĐIỆN BIÊN ( ĐOẠN TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG ẢNG ĐỘT 7**

*(Kèm theo Quyết định số 3606 /QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Mường Ảng)*

**ĐVT: đồng**

TT	Chủ sử dụng đất	Diện tích	Bồi thường về đất	Bồi thường về TS, VKT	Bồi thường về cây trồng vật nuôi	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh	Tổng cộng
	<b>XÃ ẪNG NỬA</b>								
1	Đào Duy Thạch	379,2	12.892.800	0	5.796.000	0	0	0	18.688.800
2	UBND xã Búng Lao	421,3	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>		<b>12.892.800</b>	<b>-</b>	<b>5.796.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.688.800</b>

-	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:</b>	<b>18.688.800</b>
-	<b>TỔNG KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN 2%:</b>	<b>373.776</b>
-	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG CHO CÔNG TÁC CƯỜNG CHẾ 10%</b>	<b>37.378</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.099.954</b>

**PHƯƠNG ÁN ĐÈN BÙ, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY 220KV SON LA - ĐIỆN BIÊN  
(ĐOẠN TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG ẢNG) ĐỢT 7**

(Kèm theo Quyết định số 3606/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Mường Ảng)

Đvt: đồng

Stt	Họ và tên/ Nội dung	Số thửa	Tờ Bản đồ	Vị trí đất	Đvt	Diện tích/ Số lượng/Khối lượng tài sản	Đơn giá	Mức Hỗ trợ	Thành tiền (đồng)	Nghĩa vụ tài		Số tiền thực lĩnh sau thuế	Nguồn gốc đất	Điều kiện bồi thường
										Mức thu	Số tiền			
<b>XÃ ẮNG NỬA</b>														
<b>Bản Càng</b>														
<b>1</b>	<b>Đào Duy Thạch</b>								<b>18.688.800</b>					
<b>a</b>	<b>Bồi thường về đất</b>					<b>379,2</b>			<b>12.892.800</b>					
	Đất trồng cây lâu năm	13	51	Vị trí 2	m <sup>2</sup>	379,2	34.000		12.892.800				Đất ông Đào Duy thạch nhận chuyển nhượng của ông Lò Văn Minh năm 2013 sử dụng để trồng cây lâu năm, đất ông Minh khai hoang từ năm 1999 sử dụng trồng cây lâu năm.	Điều 91,95 Luật đất đai 2024, điều 5 NĐ88/NĐ-CP/2024
<b>b</b>	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>								<b>0</b>					
<b>c</b>	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>5.796.000</b>					
	Cây cà phê năm thứ 7				Cây	6	93.800		562.800					
	Cây keo $\phi > 30\text{cm}$				Cây	1	160.000		160.000					
	Cây keo $\phi 5 - < 7\text{cm}$				Cây	10	65.000		650.000					
	Cây keo $\phi 7 - < 10\text{cm}$				Cây	11	65.000		715.000					
	Cây Xoan $\phi 15 - < 30\text{cm}$ (19cm)				Cây	1	125.000		125.000					
	Cây dổi $\phi 5 - < 7\text{cm}$				Cây	2	65.000		130.000					
	Cây dổi $\phi 7 - < 10\text{cm}$				Cây	1	65.000		65.000					
	Cây gỗ tạp $\phi 5 - < 7\text{cm}$				Cây	1	65.000		65.000					
	Cây tre lấy măng trồng năm thứ 5 (> 5 cây/khóm)				Khóm	2	230.000		460.000					
	Cây thông nhỏ $\phi < 5\text{cm}$				Cây	5	30.000		150.000					
	Cây gỗ tạp (xoan đỏ) $\phi < 5\text{cm}$				Cây	4	30.000		120.000					
	Cây chuối > 1m sắp có buồng				khóm	5	150.000		750.000					
	Cò voi				m <sup>2</sup>	192	9.600		1.843.200					
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ khác</b>								<b>0</b>					
<b>2</b>	<b>UBND XÃ BÚNG LAO</b>								<b>0</b>					
<b>a</b>	<b>Bồi thường về đất</b>					<b>421,3</b>			<b>0</b>					
	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	4	37			421,3			0				Điều 101, điều 217 Luật đất đai 2024,	
<b>b</b>	<b>Bồi thường về tài sản VKT</b>								<b>0</b>					
<b>c</b>	<b>Bồi thường cây cối, hoa màu</b>								<b>0</b>					
<b>d</b>	<b>Hỗ trợ khác</b>								<b>0</b>					
<b>TỔNG cộng</b>						<b>800,5</b>			<b>18.688.800</b>					